ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON 7/5

BỘ PHẬN: KẾ TOÁN

MÃ ĐƠN VỊ SDNS: 1031114

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG, CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG

THÁNG 8 NĂM 2023

LTT:1.490.000đ

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	PC CV	PC TN	PC KV	HSPCTN		HSPC V.khung		HSPC ngành 50%	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Ngày hưởng lương thực tế	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ			Thuế TNCN	Giảm trừ gia cảnh	Thực lĩnh	Ghi chú
							%	Hệ số	%	Hệ số					Trích vào CF	Trừ vào lương	Trích vào CF	Trừ vào lương	Trích vào CF	Trừ vào lương	Trích vào CF	Trừ vào lương	Số để lại chi đơn vị				
1	Nguyễn Thị Phúc	V.07.02.25	4,98	0,50		0,50	30%	1,7635	8%	0,3984	2,93920	11,08112	16.510.869			910.917		170.797		113.865						15.315.290	
2	Nguyễn Thị Lý	V.07.02.25	4,98	0,35		0,50	24%	1,3509	6%	0,2988	2,81440	10,29411	15.338.227			831.982		155.997		103.998						14.246.251	
3	Nguyễn Thị Huyền	V.07.02.25	4,98	0,35		0,50	32%	1,8012	6%	0,2988	2,81440	10,74442	16.009.180			885.658		166.061		110.707						14.846.754	
4	Vũ Thị Hiên	V.07.02.26	4,89			0,50	35%	1,8655	9%	0,4401	2,66505	10,36069	15.437.421			857.720		160.822		107.215						14.311.664	
5	Đặng T.Phương Hương	V.07.02.26	4,89			0,50	35%	1,8142	6%	0,2934	2,59170	10,08929	15.033.042			834.113		156.396		104.264						13.938.269	
6	Nguyễn Thị Vân Anh	V.07.02.25	4,98			0,50	17%	0,8466			2,49000	8,81660	13.136.734			694.531		130.225		86.816						12.225.162	
7	Đỗ Thị Thu Hiền	V.07.02.25	4,98			0,50	21%	1,0458			2,49000	9,01580	13.433.542			718.275		134.677		89.784						12.490.806	
8	Đỗ Thị Bích Hường	V.07.02.25	4,65			0,50	24%	1,1160			2,32500	8,59100	12.800.590			687.307		128.870		85.913						11.898.499	

9	Trịnh Thị Tuyết	V.07.02.25	4,98	0,15		0,50	20%	1,0260			2,56500	9,22100	13.739.290			733.795		137.587		91.724						12.776.184	
10	Lê Thị Thơ	V.07.02.25	4,65	0,20		0,50	21%	1,0185			2,42500	8,79350	13.102.315			699.525		131.161		87.441						12.184.188	
11	Khúc Thị Hường	V.07.02.25	4,32			0,50	21%	0,9072			2,16000	7,88720	11.751.928			623.082		116.828		77.885						10.934.133	
12	Ngô Thị Mai	V.07.02.25	3,99	0,15		0,50	17%	0,7038			2,07000	7,41380	11.046.562			577.381		108.259		72.173						10.288.749	
13	Nguyễn Thị Hoài	V.07.02.25	4,32	0,20		0,50	19%	0,8588			2,26000	8,13880	12.126.812			641.153		120.216		80.144						11.285.299	
14	Lê Thị Thanh Huyền	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
15	Nguyễn Thị Bích	V.07.02.26	3,65			0,50	16%	0,5840			1,82500	6,55900	9.772.910			504.693		94.630		63.087						9.110.501	
16	Lê Mỹ Hằng	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
17	Trịnh Thị Thúy	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
18	Trịnh T. Như Quỳnh	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
19	Lương Thị Hà Quỳnh	V.07.02.25	3,66			0,50	15%	0,5490			1,83000	6,53900	9.743.110			501.713		94.071		62.714						9.084.612	
20	Nguyễn Thị Hường	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
21	Phạm Thị Nhài	V.07.02.25	3,66			0,50	15%	0,5490			1,83000	6,53900	9.743.110			501.713		94.071		62.714						9.084.612	
22	Ng Thị Thu Hường	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
23	Nguyễn Thị Tâm	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
24	Phạm Thị Kiều	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259						9.133.420	
25	Lê Thị Thanh Loan	V.07.02.25	3,66			0,50	12%	0,4392			1,83000	6,42920	9.579.508			488.625		91.617		61.078						8.938.188	
26	Nguyễn Thị Huyền	V.07.02.25	3,66			0,50	12%	0,4392			1,83000	6,42920	9.579.508			488.625		91.617		61.078						8.938.188	
27	Nguyễn Thị Thủy	V.07.02.26	4,89			0,50	32%	1,7056	9%	0,4401	2,66505	10,20078	15.199.165			838.659		157.249		104.832						14.098.425	
28	Nguyễn Thị Tình	V.07.02.25	4,98			0,50	32%	1,7052	7%	0,3486	2,66430	10,19805	15.195.097			838.423		157.204		104.803						14.094.667	

29	Hà Lan Anh	V.07.02.25	4,32	0,15		0,50	17%	0,7599			2,23500	7,96490	11.867.701			623.404		116.888		77.926						11.049.483	
30	Nguyễn T.Thanh Yến	V.07.02.25	3,99			0,50	15%	0,5985			1,99500	7,08350	10.554.415			546.949		102.553		68.369						9.836.544	
31	Trần Thị Quý	V.07.02.25	3,66			0,50	17%	0,6222			1,83000	6,61220	9.852.178			510.438		95.707		63.805						9.182.228	
32	Nguyễn Hằng Thủy	V.07.02.26	3,34			0,50	16%	0,5344			1,67000	6,04440	9.006.156			461.828		86.593		57.729						8.400.006	
33	Trịnh Thị Thúy (B)	V.07.02.25	3,66			0,50	13%	0,4758			1,83000	6,46580	9.634.042			492.987		92.435		61.623						8.986.996	
34	Nguyễn Thị Lời	V.07.02.25	3,66			0,50	11%	0,4026			1,83000	6,39260	9.524.974			484.262		90.799		60.533						8.889.380	
35	Lê Thị Thúy	V.07.02.25	3,33	0,20		0,50	13%	0,4589			1,76500	6,25390	9.318.311			475.477		89.152		59.435						8.694.248	
36	Phạm Thị Bình	V.07.02.25	3,33			0,50	13%	0,4329			1,66500	5,92790	8.832.571			448.538		84.101		56.067						8.243.865	
37	Nguyễn Hồng Tuyến	V.07.02.26	3,03			0,50	11%	0,3333			1,51500	5,37830	8.013.667			400.905		75.170		50.113						7.487.479	
38	Phạm Thị Hải Yến	V.07.02.26	3,34			0,50	12%	0,4008			1,67000	5,91080	8.807.092			445.903		83.607		55.738						8.221.844	
38	Đàm Thị Hạnh	V.07.02.26	2,41			0,50	5%	0,1205			1,20500	4,23550	6.310.895			301.636		56.557		37.704						5.914.998	
39	Chẻo Y Mẩy	V.08.03.07	4,06	0,20		0,50			7%	0,2842		5,04420	7.515.858			541.669		101.563		67.709						6.804.918	
40	Cà T. Quỳnh Thanh	06a.032	3,66		0,10	0,50						4,26000	6.347.400			436.272		81.801		54.534						5.774.793	
	Cộng		**164,82**	**2,45**	**0,10**	**20,5**		**31,913857**		**2,8024**	**80,93410**	**303,520357**	**452.245.332**			**24.076.762**		**4.514.393**		**3.009.595**						**420.644.582**	
41	Trần Mạnh Hưởng	01.005											3.640.000			291.200		54.600		36.400						3.257.800	
42	Phạm Duy Tới	01.005											3.640.000			291.200		54.600		36.400						3.257.800	
	Cộng		**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,0**				**0,0000**		**0,00000**	**7.280.000**			**582.400**		**109.200**		**72.800**						**6.515.600**	
	Tổng cộng		**164,82**	**2,45**	**0,10**	**20,5**		**31,913857**		**2,8024**	**80,93410**	**303,52036**	**459.525.332**			**24.659.162**		**4.623.593**		**3.082.395**						**427.160.182**	

Tổng số tiền (ghi bằng chữ): Bốn trăm hai bẩy triệu một trăm sáu mươi nghìn một trăm tám hai đồng chẵn

Ngày 01 tháng 8 năm 2023

Người lập | **Hiệu trưởng**

TRƯỜNG MẦM NON 7/5

Cà Thị Quỳnh Thanh | ***Nguyễn Thị Phúc***